

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2022/DS-PT

Ngày 18-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tâm

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Ông Nguyễn Văn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2022/TLPT-DS ngày 07/6/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2022/QĐXXPT-DS ngày 28/6/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày 03/11/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1974 và bà Âu Quế Ph, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 4, khu phố 3, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân Tý, sinh năm 1977; địa chỉ: số 208 đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2022); có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông Phan Thành Được, sinh năm 1980; chết ngày 23/8/2022; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Được gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Sương, sinh năm 1979;

- Bà Phan Ánh Tuyết, sinh năm 2005;

- Ông Phan Anh Tuấn, sinh năm 2007;

- Ông Phan Anh Tài, sinh năm 2016.

Cùng địa chỉ: khu phố 9, thị trấn V, huyện P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Phan Ánh T, Phan Anh T1, Phan Anh T2 là bà Nguyễn Thị S (mẹ ruột).

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố 9, thị trấn V, huyện P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S: ông Văn Quang T3, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: số 467/9 đại lộ Bình Dương, khu 1, phường C, thành phố M, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022); có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Xuân T4 trình bày:*

Do có quen biết nên vợ chồng ông Q, bà Ph nhiều lần cho bà S, ông Đ vay tiền. Ngày 24/10/2021, vợ chồng ông Q, bà Ph và vợ chồng bà S, ông Đ làm giấy xác nhận mượn tiền. Theo đó, vợ chồng bà S, ông Đ còn nợ vợ chồng ông Q, bà Ph số tiền 2.550.000.000 đồng. Dù nhiều lần vợ chồng ông Q, bà Ph yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ trả nhưng cho đến nay vợ chồng bà S, ông Đ mới trả được số tiền 100.000.000 đồng. Nay, vợ chồng ông Q, bà Ph yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ số tiền 2.450.000.000 đồng.

*Quá trình làm việc, tại bản tự khai bị đơn bà S, ông Đ trình bày:*

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Ph, ông Q. Hiện tại bà S, ông Đ còn nợ số tiền 2.450.000.000 đồng của bà Ph, ông Q và tại phiên tòa phúc thẩm ông Văn Quang T3 là người đại diện theo ủy quyền của bà S xác định số tiền 2.450.000.000 đồng là tiền nợ lãi, không phải tiền vay gốc nên không chấp nhận trả cho ông Q và bà Ph.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quê Ph đối với bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế Ph số tiền 2.450.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/3/2022, ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Phan Thành Đ đã chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là bà Nguyễn Thị S không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bà S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S và đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần của quyết định sơ thẩm do ông Đ đã chết ngày 23/8/2022 nên cần buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ gồm: bà S, bà T, ông T1 và ông T2 có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông Q và bà Ph.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 23/8/2022, ông Phan Thành Đ chết, nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ gồm bà Nguyễn Thị S là vợ ông Đ và các người con gồm: bà Phan Thị Ánh T, ông Phan Anh T1 và ông Phan Anh T2 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ.

[2] Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị S nhận thấy: ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế Ph là vợ chồng, có cho ông Đ và bà Ph vay mượn tiền nhiều lần, chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ.

Tại biên bản tự khai ngày 20/12/2021 (BL số 27) bà Nguyễn Thị S thừa nhận có vay tiền của ông Q và bà Ph nhiều lần, tổng cộng nợ là 7.650.000.000 đồng. Ngày 15/9/2021, vợ chồng bà S và vợ chồng ông Q có lập một giấy viết tay tự thỏa thuận, vợ chồng bà S đã trả được cho vợ chồng ông Q số tiền 5.100.000.000 đồng và hiện tại chỉ còn nợ tiền vay của vợ chồng ông Q số tiền 2.550.000.000 đồng và xin được trả mỗi tháng 300.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2021, vợ chồng ông Q, bà Ph và vợ chồng bà S, ông Đ tự nguyện thỏa thuận lập một giấy viết tay “giấy xác nhận mượn tiền” thể hiện vợ chồng bà S có vay mượn tiền của vợ chồng bà Ph nhiều lần nhưng chưa trả hết

nợ vay và hiện nay vợ chồng bà S xác nhận còn nợ tổng số tiền là 2.550.000.000 đồng của vợ chồng ông Q và bà Ph là đúng sự thật, vợ chồng bà S thừa nhận dấu lấn tay và chữ ký trên giấy mượn tiền lập ngày 24/10/2021 là đúng sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Văn Quang T3 là người đại diện hợp pháp cho bà S khai và cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận mượn tiền lập ngày 15/9/2021 phần trang phía sau đối với số tiền vay còn lại là 2.550.000.000 đồng là tiền lãi, ghi là giấy mượn tiền ngày 24/10/2021, còn giấy xác nhận mượn tiền do ông Q với vợ chồng bà S ký tên, lấn tay điểm chỉ đối với số tiền vay 2.550.000.000 đồng, không thể hiện là tiền lãi, ngoài tài liệu chứng cứ này, ông Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh vợ chồng bà S đã trả hết nợ vay gốc và chỉ còn nợ tiền lãi suất, nên chưa đủ căn cứ để xác định số tiền 2.550.000.000 đồng là tiền lãi và ông Q không chứng minh được lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là bao nhiêu phần trăm trên năm nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết phía nguyên đơn thừa nhận phía bị đơn trả được cho nguyên đơn 100.000.000 đồng và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn chỉ trả số tiền 2.450.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp.

Do, ông Phan Thành Đ chết ngày 23/8/2022, nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đ theo quy định pháp luật là bà Nguyễn Thị S và các người con chung của ông Đ gồm: bà Phan Thị Ánh T, ông Phan Anh T1 và ông Phan Anh T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà S trả nợ vay cho ông Q và bà Ph là nguyên đơn, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà S kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

Căn cứ các Điều 74, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế Ph đối với bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Phan Thành Đ (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ gồm bà Nguyễn Thị S, bà Phan Ánh T, ông Phan Anh T1 và ông

Phan Anh T2 cùng bà Nguyễn Thị S phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế Ph số tiền 2.450.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007865 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bị đơn phải nộp 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng).

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008320 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tài**

**Huỳnh Thị Thanh Tuyền**

**Bùi Văn Tâm**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Tâm**